

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

*Về dự toán mua sắm

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm, lắp đặt điều hòa nhiệt độ.
- Chủ đầu tư: Văn phòng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Nguồn vốn: Nguồn NSNN chi sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo (Loại 070-083) - Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ năm 2025
- Địa điểm thực hiện: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - 135 Nguyễn Phong Sắc, phường Nghĩa Đô, Hà Nội.

* Về gói thầu:

- Chủ đầu tư: Văn phòng Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
- Tên gói thầu: Mua sắm, lắp đặt điều hòa nhiệt độ.
- Nguồn vốn: Nguồn NSNN chi sự nghiệp Giáo dục – Đào tạo (Loại 070-083) - Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ năm 2025
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 10/2025
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.
- Địa điểm thực hiện: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - 135 Nguyễn Phong Sắc, phường Nghĩa Đô, Hà Nội.
- Quy mô: Mua sắm thay thế điều hòa nhiệt độ.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu chung

Cung cấp các tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hoá:

Một trong các tài liệu: Catalogue hoặc Tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất hoặc đơn vị nhập khẩu hoặc đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT. Nếu Catalogue, tài liệu kỹ thuật không có đầy đủ thông số theo yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu phải có xác nhận về thông số kỹ thuật hàng hoá của nhà sản xuất hoặc đơn vị nhập khẩu hoặc nhà phân phối chính thức tại Việt Nam để chứng minh.

- Hàng hoá nhập khẩu: Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O);

Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (C/Q) hoặc các giấy tờ có tính chất và giá trị tương đương khác đáp ứng yêu cầu E-HSMT khi cung cấp hàng hóa (không bao gồm phụ kiện).

- Hàng hoá sản xuất, gia công trong nước hoặc hàng hoá sản xuất, gia công ở ngoài nước nhưng đã được chào bán tại Việt Nam phải có đầy đủ các tài liệu chứng minh sự đáp ứng của hàng hoá theo yêu cầu của E-HSMT.

- Đóng gói, vận chuyển và lưu kho: Hàng hóa phải được bảo vệ một cách thích hợp chống các hư hỏng có thể xảy ra khi vận chuyển, lưu kho từ nơi sản xuất đến bên mua, đóng gói nguyên đai nguyên kiện.

2.2. Yêu cầu kỹ thuật của thiết bị

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật dưới đây để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

Bảng tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa theo các tiêu chuẩn sau đây:

| STT | Danh mục, thông số kỹ thuật tối thiểu |
|-----|--|
| 1 | <p>Điều hòa nhiệt độ 1 chiều Inverter 12000 BTU Bảo hành ≥ 12 tháng - Công suất lạnh (nhỏ nhất- lớn nhất): 3,52 (1,02-4,10)kW - Công suất lạnh (nhỏ nhất- lớn nhất): 12000 (3480-14000)Btu/h - EER (nhỏ nhất- lớn nhất): 11,65(12,65-11,11) Btu/hW - EER (nhỏ nhất- lớn nhất): 3,42(3,71-3,25) W/W - CSPF: $\geq 5,4$ W/W - Thông số điện: + Điện áp: 220v + Cường độ dòng điện: 4,8A + Công suất điện (nhỏ nhất - lớn nhất): 1030(275-1260)W - Lưu lượng gió: + Dàn lạnh: $\geq 11,0(390)m^3/phút[ft^3/phút]$ + Dàn nóng: $\geq 30,6(1080)m^3/phút[ft^3/phút]$ - Độ ồn: + Dàn lạnh: ≤ 37 dB + Dàn nóng: ≤ 48 dB - Khối lượng dàn nóng $\pm 10\%$: 22kg - Kích thước ống: + Ống lỏng: $\varnothing 6,35$ mm; ¼ inch + Ống hơi: $\varnothing 9,52$ mm; 3/8 inch - Chiều dài ống đồng: + Chiều dài ống tiêu chuẩn: 7,5 m + Chiều dài ống tối đa: 20 m + Độ cao chênh lệch đường ống tối đa: 15 m + Môi chất lạnh bổ sung: 10 g/m - Nguồn điện: Dàn lạnh</p> |

| STT | Danh mục, thông số kỹ thuật tối thiểu |
|-----|--|
| 2 | <p>Điều hòa nhiệt độ 1 chiều inverter 18000 BTU Bảo hành ≥ 12 tháng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất lạnh (nhỏ nhất- lớn nhất): 5,3 (1,10-6,00)kW - Công suất lạnh (nhỏ nhất- lớn nhất): 18100 (3750-20500)Btu/h - EER (nhỏ nhất- lớn nhất): 11,24(12,93-11,20) Btu/hW - EER (nhỏ nhất- lớn nhất): 3,29(3,79-3,28) W/W - CSPF: $\geq 5,97$W/W - Thông số điện: + Điện áp: 220v + Cường độ dòng điện: 7,4A + Công suất điện (nhỏ nhất - lớn nhất): 1610(290-1830)W - Lưu lượng gió: + Dàn lạnh: $\geq 19,3(680)$m³/phút[ft³/phút] + Dàn nóng: $\geq 39,3(1390)$m³/phút[ft³/phút] - Độ ồn: + Dàn lạnh: ≤ 44 dB + Dàn nóng: ≤ 50 dB - Khối lượng dàn nóng $\pm 10\%$: 29kg - Kích thước ống: + Ống lỏng: $\varnothing 6,35$ mm; 1/4inch + Ống hơi: $\varnothing 12,7$ mm; 1/2 inch - Chiều dài ống đồng: + Chiều dài ống tiêu chuẩn: 10 m + Chiều dài ống tối đa: 30 m + Độ cao chênh lệch đường ống tối đa: 20 m + Môi chất lạnh bổ sung: 15 g/m - Nguồn điện: Dàn lạnh |
| 3 | <p>Điều hòa âm trần Bảo hành ≥ 12 tháng. Bao gồm:</p> |
| 3.1 | <p>Dàn nóng điều hòa trung tâm VRF 1 chiều lạnh Sử dụng gas R410a Máy nén biến tần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất lạnh: 83,9 kw - Điện áp: 3 phase 50Hz (380-415V) - Công suất điện: $\leq 20,43$ kW - EER: 4,11 kW/kW - Độ ồn: ≤ 63dB - Lưu lượng gió: ≥ 14300 m³/h+11700 m³/h - Môi chất lạnh: Gas R.410A - Kích thước ống đồng: $\varnothing 19,1$mm x $\varnothing 34,9$mm |
| 3.2 | <p>Dàn lạnh điều hòa trung tâm loại 1 Kiểu âm trần cassette 4 hướng thổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất lạnh: $\geq 11,2$ kw - Điện áp: 1 phase 50Hz (220-240V) - Công suất điện: $\leq 0,088$ kw - Độ ồn (C/TB/T): $\leq 43/38/32$ dB(A) - Lưu lượng gió (C/TB/T): $\geq 1970/ 1430/1070$ m³/h - Môi chất lạnh: Gas R.410A - Kích thước ống đồng: $\varnothing 9,5$mm x $\varnothing 15,9$mm - Bao gồm bơm nước |

| STT | Danh mục, thông số kỹ thuật tối thiểu |
|-----|--|
| 3.3 | <p>Dàn lạnh điều hòa trung tâm loại 2 Kiểu âm trần cassette 4 hướng thổi - Công suất lạnh: $\geq 14,0$ kw - Điện áp: 1 phase 50Hz (220-240V) - Công suất điện: $\leq 0,112$ kw - Độ ồn (C/TB/T): $\leq 46/38/33$ dB - Lưu lượng gió (C/TB/T): $\geq 2130/1430/1130$ m³/h - Môi chất lạnh: Gas R.410A - Kích thước ống đồng: $\varnothing 9,5\text{mm} \times \varnothing 15,9\text{mm}$ - Bao gồm bơm nước</p> |
| 3.4 | <p>Bộ chia ga dàn nóng - Vật liệu: Đồng - Các đường kính: + ống hơi (mm): 38,1 ; 38,1; 28,6 + ống lỏng (mm): 22,2 ; 22,2 ; 22,2 + Và các côn chuyển có kích thước phù hợp với hệ ống gas - Bọc bảo ôn và bảo vệ bộ chia gas: Kèm theo</p> |
| 3.5 | <p>Bộ chia ga dàn lạnh loại 1 - Vật liệu: Đồng - Các đường kính: + ống hơi (mm): 22,2 ; 22,2 ; 22,2 + ống lỏng (mm): 15,9 ; 15,9 ; 15,9 + Và các côn chuyển có kích thước phù hợp với hệ ống gas - Bọc bảo ôn và bảo vệ bộ chia gas: Kèm theo</p> |
| 3.6 | <p>Bộ chia ga dàn lạnh loại 2 - Vật liệu: Đồng - Các đường kính: + ống hơi (mm): 31,8 ; 28,6 ; 28,6 + ống lỏng (mm): 15,9 ; 15,9 ; 15,9 + Và các côn chuyển có kích thước phù hợp với hệ ống gas - Bọc bảo ôn và bảo vệ bộ chia gas: Kèm theo</p> |
| 3.7 | <p>Bộ chia ga dàn lạnh loại 3 - Vật liệu: Đồng - Các đường kính: + ống hơi (mm): 38,1 ; 38,1 ; 38,1 + ống lỏng (mm): 22,2 ; 22,2 ; 22,2 + Và các côn chuyển có kích thước phù hợp với hệ ống gas - Bọc bảo ôn và bảo vệ bộ chia gas: Kèm theo</p> |
| 3.8 | <p>Bộ điều khiển nổi dây - Có thể điều khiển riêng lẻ một dàn lạnh hoặc một nhóm ≥ 16 dàn lạnh. - Các thông số hoạt động và cấu hình của dàn lạnh có thể được cài đặt từ bộ điều khiển. - Hiện thị các thông báo lỗi. - Có chức năng cài đặt hẹn giờ và tự khởi động lại khi có điện lại sau sự cố mất điện.</p> |
| 3.9 | <p>Mặt nạ cassette - Bốn hướng thổi - Kích thước $\pm 5\%$: 30(H)x950(L)x950(W)mm - Màu trắng - Phù hợp với dàn lạnh cassette bốn hướng thổi</p> |

| STT | Danh mục, thông số kỹ thuật tối thiểu |
|------|--|
| 3.10 | Quạt thông gió - Lưu lượng gió: ≥ 564 m ³ /h, - Công suất: ≥ 55 w, - Tốc độ quay: ≥ 2600 rpm, - Độ ồn: ≤ 48 dB |

Yêu cầu khác:

- Tất cả hàng hóa phải mới 100%. Sản xuất từ năm 2024 trở lại đây.
- Yêu cầu tại mục E-CDNT 16.2 chương II áp dụng đối với Điều hòa âm trần.
- Có Cam kết chế độ bảo hành 24/7; yêu cầu sau 3 giờ phải có mặt để khắc phục sự cố và sau tối đa 24 giờ phải xử lý xong sự cố kể từ khi nhận được thông tin sự cố.
- Chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của thiết bị, chậm khắc phục hư hỏng gây ảnh hưởng đến hoạt động của Học viện thì Nhà thầu sẽ phải chịu toàn bộ.
- Trong thời gian bảo hành, đối với tất cả hàng hóa nhà thầu cam kết đổi mới trong vòng 03 tháng nếu không khắc phục được sự cố, hỏng hóc, lỗi do nhà sản xuất.
- Nhà thầu phải lắp đặt, chạy thử, kiểm nghiệm và bàn giao sản phẩm trọn gói.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ kèm theo.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được tổ chức tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 135 Nguyễn Phong Sắc, phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội. Hàng hóa nhà thầu cung cấp trước khi được nghiệm thu sẽ được Chủ đầu tư kiểm tra tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT và E-HSDT sẽ không được nghiệm thu.

Đối với mỗi chủng loại hàng hóa cung cấp phải kiểm tra, thử nghiệm về tính năng, thông số kỹ thuật. Hàng hóa sau khi lắp đặt phải được chạy thử, vận hành thử trước khi nghiệm thu, bàn giao.